

Bản án số: 32 /2025/HNGĐ – ST

Ngày 27 tháng 11 năm 2025.

“ V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Duy Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Tú;

2. Ông Phạm Văn Lợi;

- Thư ký phiên toà: Ông Má A Trư - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7- Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2025/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Giàng A D, sinh ngày 01/01/1978;

2. *Bị đơn:* Chị Châu Thị D, sinh ngày 18/7/1976;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Giàng A D là chị Nông Thị Thúy Hằng- Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 16/10/2025 và trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn anh Giàng A D trình bày:

Anh và chị Châu Thị D về chung sống với nhau từ năm 2007, không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau đến năm 2021 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân là do tính tình không hợp, không chung quan điểm sống, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình trạng này kéo dài, làm ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con, thực tế vợ chồng sống ly thân từ năm 2021, từ ngày sống ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh có nguyện vọng được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Châu Thị D sinh được 01 người con chung, cháu Giàng A D1, sinh ngày 10/3/2009. Từ ngày sống ly thân cháu Giàng A D1 vẫn đang sống với anh. Nay ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị D1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, trong thời gian chung sống, vợ chồng không vay ai và không cho ai vay.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2025 bị đơn chị Châu Thị D trình bày:

Chị xác nhận thời gian vợ chồng về chung sống với nhau đúng như anh Giàng A D đã khai, về mâu thuẫn chị cũng xác nhận như vậy, đến nay thì chị đồng ý ly hôn.

Về con chị xác nhận có một con chung như anh đã trình bày, nay anh có nguyện vọng nuôi cháu Giàng A D1 chị cũng đồng ý.

Về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, trong thời gian chung sống vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay.

Đối với vụ án này Tòa án không hòa giải được về việc nuôi con, do anh Giàng A D có đơn đề nghị Tòa án không Hòa giải.

Tại phiên toà:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nông Thị Thúy Hằng trình bày: Anh Giàng A D và chị Châu Thị D về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 không đăng ký kết hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 35 sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị giải quyết tuyên bố anh Giàng A D và chị Châu Thị D không phải là vợ chồng. Về con chung giao cho anh Giàng A D nuôi dưỡng cháu Giàng A D1, sinh ngày 10/3/2009 đến tuổi trưởng thành. Tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Lào Cai có quan điểm: Thẩm phán, hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật. Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ vào Điều 28; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 35 sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Giàng A D và chị Châu Thị D.

Về con chung: Giao cho anh Giàng A D nuôi dưỡng cháu Giàng A D1, sinh ngày 10/3/2009 đến tuổi trưởng thành.

Chị Châu Thị D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng: Anh Giàng A D khởi kiện chị Châu Thị D về việc ly hôn, đây là tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn chị Châu Thị D có địa chỉ tại thôn Tả Chải Mông, xã Tả Van, tỉnh Lào Cai. Như vậy Tòa án nhân dân khu vực 7- Lào Cai thụ lý vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 35 sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Anh Giàng A D và chị Châu Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Anh Giàng A D và chị Châu Thị D.

[2] Xét về nội dung khởi kiện: Anh Giàng A D và chị Châu Thị D về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 không đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 qui định “*Nam nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng*”. Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định: “*Việc kết hôn không được đăng ký theo qui định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*”. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định “*Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo qui định*

của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền nghĩa vụ của vợ chồng” . Như vậy hôn nhân giữa anh Giàng A D và chị Châu Thị D không có giá trị pháp lý, không được pháp luật bảo vệ, nay anh, chị phát sinh mâu thuẫn, cả hai đều đồng ý ly hôn, tuy nhiên do anh, chị không đăng ký kết hôn nên không phát sinh quyền nghĩa vụ của vợ, chồng vì vậy không công nhận sự thỏa thuận của anh chị, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Giàng A D và chị Châu Thị D là phù hợp với khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con: Anh Giàng A D và chị Châu Thị D sinh được một người con chung, cháu Giàng A D1, sinh ngày 10/3/2009; Khi ly hôn anh Giàng A D có nguyện vọng nuôi cháu Giàng A D1 đến tuổi trưởng thành, xét thấy anh Giàng A D là lao động tự do, cháu Giàng A D1 khi được hỏi ý kiến cháu muốn ở với bố, bản thân chị D đồng ý để anh D nuôi cháu Giàng A D1. Vì vậy căn cứ vào Điều 15; Điều 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Giàng A D1 cho anh Giàng A D nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Anh Giàng A D không yêu cầu chị Châu Thị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết. Tạm thời chị D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[5] Về tài sản: Anh Giàng A D và chị Châu Thị D không yêu cầu giải quyết, trong thời gian chung sống vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay. Vì vậy Tòa án không giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Anh Giàng A D phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 35 sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Giàng A D và chị Châu Thị D là vợ chồng.

2. Về con:

Anh Giàng A D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng A D1, sinh ngày 10/3/2009 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Châu Thị D tạm thời không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Châu Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Giàng A D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0001496 ngày 22 tháng 10 năm 2025. Anh Giàng A D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Lào Cai;
- VKSND Khu vực 7 - Lào Cai (2);
- Đương sự (2);
- Người BVQ&LIHP;
- UBND xã Tả Van;
- THA dân sự Khu vực 7 – Lào Cai;
- Lưu TA,VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Duy Chiến

